

Sự phối hợp kỳ ảo giữa triết lý và tình cảm.

Nguyễn Văn Thành.

Thuộc dòng dõi công thần của Chúa Nguyễn, Nguyễn Văn Thành từ nhỏ đã theo cha là Cai Cơ Nguyễn Văn Hiến xông pha trận mạc chống lại Tây Sơn, lập được nhiều chiến công đối với Nguyễn vương. Lớn lên ông được phong chức Cai Đội, giúp Nguyễn Vương rất nhiều trong lúc tòng vong nên khi Gia Long thống nhất ông được cử làm Tổng Trấn Bắc Thành.

Tháng chạp năm Nhâm Tuất (1802), tại Huế, đứng chủ tế lễ truy điệu tướng sĩ bỏ mình trong cuộc chiến, ông đã đọc bài văn tế rất lâm li: “Văn tế tướng sĩ trận vong”¹).

¹ Về bài này có hai vấn đề đặt ra: Ai là tác giả thật sự và bài văn được viết vào năm nào?

Các nhà viết văn học sử không đồng ý với nhau:

- Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm - Quốc Văn đời Tây Sơn - Vĩnh Bảo, SàiGon, 1950, trang 98 cho ông (Nguyễn Văn Thành) “nhờ một cây bút nào đấy viết giùm”. Theo họ Hoàng bài văn tế này của một tác giả khuyết danh.

- Trần Trung Viên - Văn Đàn Bảo Giám - bản Mặc Lâm, Saigòn, 1968, quyển thượng, trang 144 ghi tác giả là Vũ Lương.

- Hoàng Xuân Hãn, theo lời mách của Lê Thành Khôi trong Le Việt Nam, histoire et civilisation - Minuit, Paris, 1955, trang 340 chú 43 bis cho người viết là Nguyễn Huy Lương.

- Phân đông những người còn lại chấp nhận tác giả là Nguyễn Văn Thành, theo truyền thuyết.

*Lập luận của Hoàng Thúc Trâm: Hoàng Thúc Trâm (Sđđ trang 97) dựa trên một bài văn tế do Phan Huy Ích viết có ghi: “Giáp Tý Xuân nghĩ Chương Tiền quân Tổng Trấn quan khảo tế bản quân trên cố tướng sĩ quốc âm văn” = “mùa Xuân năm Giáp Tý nghĩ giúp quan Chương Tiền quân Tổng Trấn (Nguyễn Văn Thành) bài văn tế quốc âm để khảo tướng sĩ bản quân tử trận” phủ nhận bài hiện hành là của Nguyễn Văn Thành vì ông này trước khi làm lễ tế đã nhờ Phan Huy Ích viết giùm rồi không dùng nên nhờ một người khác mà ta chưa tường danh tánh.

Lập luận này không vững:

- Chữ *nghĩ* = *nghĩ giúp, nghĩ hộ, nghĩ giùm* cho ta thấy Phan Huy Ích sau khi thấy bài của ông Thành đọc, muốn đặt vào địa vị của ông này để làm thử một bài khác.

Bài của họ Phan do đó chỉ có tính cách múa bút, thử văn.

- Đặt trường hợp những chữ xác định ngày tháng (Giáp tý Xuân ...) do người sau chép sai thì cũng không thể cho rằng nhất thiết Nguyễn Văn Thành phải nhờ người khác sau khi từ chối sử dụng bài của Phan Huy Ích.

Những người viết văn học sử khác khi phủ nhận vai trò tác giả của Nguyễn Văn Thành đã không đưa lý do và xuất xứ tài liệu. Cho đến nay, chưa có luận cứ nào thật chính xác nên chúng tôi tạm theo thuyết cũ.

Vấn đề thời gian cũng gây tranh cãi:

Năm Tân Mùi (1811) ông được triệu về kinh để cùng soạn với Vũ Trinh và Trần Hựu¹ biên tập bộ “*Hoàng Việt luật lệ*”.

Năm Đinh Sửu (1817) Gia Long trong chiều hướng sát hại công thần, nhằm bảo vệ ngai vàng, đã độc đoán đẩy Nguyễn Văn Thành vào đường cùng phải tự tử vì một bài thơ của con ông là Nguyễn Văn Thuyên. Bài thơ chẳng có gì xác định rõ tính cách phản vua Gia Long một cách lộ liễu nhưng đã

Hoàng Thúc Trâm (Sđđ, trang 98) với những chữ “Tiền Quân Thành không ung dùng bài của Phan Huy Ích” đưa chúng ta đến kết luận họ Hoàng chủ trương bài văn tế này vào năm 1804.

Luận cứ này không vững vì nhiều lý do và tác giả VHVN, Sđđ, trang 678 đã có lý khi viết: “Như ta đã biết, bài Văn Tế Trần Vong soạn đọc trong lễ tổ chức sau khi Gia Long ở Bắc về Kinh đô một tháng, nghĩa là vào khoảng tháng chạp 1802. Sử lại không chép nhà vua du hành ra Bắc trong năm 1804. Và lại vừa nên công đại định, thì liền tổ chức cuộc truy điệu tướng sĩ là một việc hợp lý, hợp thời, hợp tình, hợp cảnh.”

¹ Về Vũ Trinh, tiểu sử xin xem:

- Bài *Sách Kiến văn lục của Vũ Nguyên Hanh* - Bửu Cầm - VHNS số 82 tháng 6 năm 1963.
- Bài dẫn nhập bản dịch *Kiến Văn Lục* - Đàm Huy Tạo - TTHL, Saigon, 1969, hoặc “*Lược truyện các tác gia Việt Nam*”, Sđđ, trang 366.

Trần Hựu, chưa tường tiểu sử.

bị giải thích như phản ảnh ngôn từ, tư tưởng của người có ý mưu việc soạn nghịch¹.

Với nội dung hạn hẹp của một bài văn tế, tư tưởng của người viết đương nhiên bị vây hãm bằng những khuôn khổ cố định: an ủi, ca tụng, tỏ ý thương tiếc người được tế. Nguyễn Văn Thành trong bài “*Văn tế tướng sĩ trận vong*” đã ở vào trường hợp chung đó, ông than vãn cho số kiếp không may của những người chiến sĩ chết trận: có mặt lúc gian lao, khiếm diện khi đãng định.

Ca tụng họ, ông cho rằng đó là những người lưu danh thiên cổ, tổ quốc ghi ơn. Khen ngợi họ, ông nhắc đến những công nghiệp xưa khi họ xông pha vào chốn hiểm nguy để mưu đồ lập quốc. Để an ủi vong linh người đã khuất ông nhắc đến sắc không, số mệnh ngắn dài: thực tế hơn ông hứa sẽ cải táng hài cốt, cúng tế hương hồn và giúp đỡ thân thuộc của những người không may này.

Sau cùng ông kêu gọi họ nếu có tái sinh nên lại vào quân ngũ và hồn thiêng nên phò hộ cơ đồ nhà Nguyễn được lâu dài.

¹ Về chuyện Nguyễn Văn Thuyên và bài thơ có thể xem VNSSL - Trần Trọng Kim, in lần thứ 7, Tân Việt Saigon, trang 422 - 423.

Tổng quan, tư tưởng của tác giả có thể thấy ở những vấn đề, quan điểm sau:

Về quan điểm chính trị, Nguyễn Văn Thành chủ trương hết lòng với nhà Nguyễn, ông quan niệm những người đem thân mình góp vào việc tạo dựng vinh quang cho Gia Long là những anh hùng, người biết sử dụng cái chết đúng chỗ; tuy xác thân không còn nhưng danh lưu hậu thế.

Diễn tả ý này ông dùng câu rất hùng hồn khích động:

- *“Mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ”*.

- *“Phận dầu không gác khói đài mây¹;*

Danh đã dậy ngàn cây nội cỏ”.

- *“Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt,...nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình”*.

Ở khía cạnh triết lý, tác giả chịu ảnh hưởng của nhà Phật - hay đã lợi dụng tư tưởng Phật giáo trong hoàn cảnh cần thiết - trong quan điểm cho cuộc đời có tính cách sắc không, cảnh sống gởi thác về, cơ duyên ai nấy hưởng, sinh tử không đáng kể...

¹ Gác khói đài mây: chỗ thờ các tướng sĩ có công trận với quốc gia. Xưa Đường Thái Tông treo các tượng công thần ở Lăng Yên Các (Gác khói) và Hán Minh Đế treo những người giúp vua lập nghiệp nơi một đền thờ gọi là Vân Đài (Đài Mây)

Diễn tả quan niệm này tác giả dùng những câu vốn từ xưa đã được coi như chân lý:

- “*Sinh là ký, mà tử là quy* (¹).”

- “*Phận truy tùy gẫm lại cũng cơ duyên,
Trường chiến đấu biết đâu là mệnh số* (²) ?”

- “*Cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu* (³).”

Sử dụng một số bài văn tế trong buổi lễ truy điệu, người đọc đã có niềm tin về linh hồn, nhưng ở đây tác giả đi xa hơn, ông tin rằng linh hồn bất diệt, có thể tái sinh, có thể ảnh hưởng đến người sống. Trong niềm tin đó ông an ủi vong linh các chiến sĩ, khuyên bảo họ về kiếp tái sinh, hứa với họ về việc cải táng hài cốt, mong mỗi họ giúp đỡ, phò hộ cơ đồ nhà Nguyễn.

Diễn tả những ý này, Nguyễn Văn Thành đã dùng những câu vô cùng thống thiết cảm động mang đầy vẻ thành thật, tin tưởng:

- “*Nền phủ định tới đây còn xóc nổi* (¹), *vụ lòng một lễ, chén rượu thoi vàng;*

¹ Sinh là ký tử là quy: sống là gởi tạm mình trên cõi đời, thác với về nơi thiết thọ của mình. Quan niệm đời là cõi của nhà Phật.

² Phận truy tùy gẫm lại cũng cơ duyên: chuyện theo quân ngũ đây cũng do số mệnh định sẵn.

³ Cả đoạn: ai cũng thờ vua, hết lòng với nước, nhưng số mạng mỗi người ngắn dài với nhau.

*Chữ tương đồng găm lại vốn đình ninh, đông
mặt ba quân cờ đào nón đỏ.*

*- Có cảm thông thời tới khuyên mời, Dầu linh
thính hãy nghe lời dặn dỗ”.*

*- “Buổi chinh chiến hoặc là oan hay chẳng,
cũng nhớ nê kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới
khao thưởng rồi sẽ tấu biểu chương cho;*

*Hội thanh bình đừng có nghĩ rằng không, dù
ai còn cha già, mẹ yếu, vợ góa, con thơ, an tập hết
cũng ban tồn tuất đủ.”*

*- “Hồn phách đâu đây ngày tháng Thuán,
Nghieu;*

Hài cốt đó cũng nước non Thang, Vũ (²).”

*- “Cơ huyền diệu hoặc thặng trăm chưa rõ,
thiên thời về cố quận để hương thơm lửa sáng,
kiếp tái sinh lại nhận cửa tiền quân;*

*Niềm tôn thân dù sinh tử chớ nê, linh thời hộ
hoàng triều cho bể lặng sông trong, duy vạn kỷ
chẳng đời ngôi bảo tộ (³).”*

Nhìn chung những tư tưởng, quan điểm chưa
có gì mới lạ (phò chúa, tín ngưỡng, bình dân truyền
thống của người Việt Nam) đó chưa kể ta có thể

¹ Cả đoạn: Cuộc chiến tranh còn làm cho kết thúc được như
ngày nay. Nền phủ định do chữ “Can qua phủ định” mới kết
thúc cuộc chiến; xúc: nâng đỡ lên (hình trạng nguy ngập,
người ...).

² Cả đoạn: hồn phách và hài cốt của các chiến sĩ sẽ ở trong
vùng đất được thanh bình. Cái chết của họ không vô ích.

³ Ngôi bảo tộ: ngôi báu.

nghe ngờ tác giả sử dụng như những luận cứ để vượt ve vong hồn người đã khuất đồng thời làm lợi khí chiêu dụ những người đang bất mãn vì khổ cực sau một thời gian chinh chiến dài.

Tuy nhiên về phương diện tình cảm và văn pháp, bài văn tế đã có khả năng gây xúc động cực mạnh.

Từ trước đến nay nhiều người ca ngợi bài “*Văn tế trận vong chiến sĩ*” này, ở đây chúng ta thử tìm nguyên nhân thành công của bài văn.

a. Gọi được sự thiệt thòi của người tử sĩ.

Người chiến sĩ đi đánh trận thiệt thòi nhiều: đối đầu với gian nguy, đồng hóa các cực nhọc, thiếu thốn, nhưng thiệt thòi lớn nhất vẫn là không nhìn thấy kết quả sự hy sinh của mình. Nguyễn Văn Thành ghi nhận sự khổ cực đó ngay từ phần vào đầu của bài văn:

- “*Trời đông Phố vận ra Sóc Cảnh¹ trải bao phen gian hiểm mới có ngày nay.*”

¹ Đông Phố: tên gọi thành Gia Định ngày trước. Thường trong văn chương chữ chỉ phần nhỏ được dùng để chỉ một toàn thể, ở đây chữ Đông Phố được coi như miền Nam gồm 6 tỉnh (như chữ Gia Định Gia Định Thành Thông Chí). Chữ Đông Phố có người ngờ là Giản Phố, tức là Giản Phố Trại, tên phiên âm chỉ đất Cambodge ngày nay. Chúng tôi dùng Đông Phố vì hai lý do:

Nước Lô Hà chảy xuống Lương Giang, nghĩ những kẻ điêu linh kể từ thuở nọ”.

Lời xác nhận này cho thấy tác giả gần như suy nghĩ thường trực về nỗi thiết thòi của người tử sĩ, tuy trên đây chỉ mới là một câu quá tổng quát chưa cho chúng ta hình dung được sự thiết thòi một cách tường tận. Do đó ông đã nhắc lại tỉ mỉ, chi tiết những lao nhọc mà người chiến sĩ phải gánh chịu trước ngày đại định ở phần chính của bài văn tế:

“Kẻ thời theo cơ đích chạy sang miền khách địa hãm hở mài nanh giữa vuốt, chỉ Tây thề chẳng đội trời chung;

“Kẻ thời đón việt mao liêu mệnh chôn sa trường, dập dùi vén cánh nương vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ”¹.

- Chữ này được tác giả dùng để đối với chữ Sóc Cảnh (đất Bắc)

- Trong sắc văn của Nguyễn Vương phong tước Thái Tử Thái Phó Bi Nhu Quận Công cho Giám Mục Bá Đa Lộc Evêque d'Adran có câu:

“Mậu Thân (1788) phản cố bang chi bang, chính vọng hảo âm. Canh Tuất (1790) phù Đông Phố chi chu, dĩ đôn tín ước”:

= Năm Mậu Thân cờ vừa trở lại cố bang, những mong tin tức,

Năm Canh Tuất thuyền lại gặp nơi Đông Phố, bèn giữ ước xưa (Trần Văn Giáp dịch).

¹ Nước Lô Hà chảy Lương Giang: thủy binh đi từ sông Lô xuống sông Nhị Hà (tên lúc đó: Phù Lương Giang). Điêu Linh: rơi rụng toi tả, chỉ những sự nhọc nhằn, chết chóc. Cả

- “*Nằm gai nếm mật, chung nổi ân ưu;
Mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.*”

- *Trước từng trải Xiêm La, Cao Miên về Gia Định, mới dân ra Khánh, Thuận, đã mấy phen sơn phong hải lệ, trời Cao, Quang soi tỏ tâm kiên trinh.*

Rời từ Đồ Bàn, Nam Ngãi lầy Phú Xuân, mà thẳng tới Thăng Long, biết bao phen vũ pháo vân thê đất Lũng Thục lặn vào nơi hiểm cố¹.”

Sự nhắc nhở đó càng chi tiết càng xác nhận sự thua thiệt của người đã mất. Người nghe sẽ xúc động, ngậm ngùi cho số mệnh những anh hùng vô danh bạc phận.

Cách viết này của tác giả tạo cho bài văn thêm hai ưu điểm:

đoạn: kẻ thì theo vua chạy sang ngoại quốc (Xiêm La, Cambodge); cơ đích: hàm thiếc ngựa, dây cương, ý nói theo chân ngựa của nhà vua. Non Tây: Chi Tây Sơn. Đón Việt mao: nhận lãnh lĩnh, việt: búa; mao: cờ tiết của người tướng.

¹ Chung nổi ân ưu: cùng có sự lo lắng chung. Khánh Thuận: Bình Thuận, Khánh Hoà. Sơn phong hải lệ: Gió núi, nước ngọt trong bể. Ở đây tác giả nhắc lại những lần thoát hiểm của quân Nguyễn Vương, nhờ gió núi, nhờ tìm gặp nước ngọt ở giữa biển. Cả đoạn: lòng nhẫn nại cương quyết như Cao Tổ, người lập nghiệp nhà Hán, như Quang Vũ, người khôi phục nhà Hán. Đồ Bàn: thành Đồ Bàn chỉ đất Bình Định. Vũ pháo, vân thê: đạn bắn như mưa, thang đánh thành bắc cao như lên mây, chỉ việc gian khổ trong cuộc chiến. Đất Lũng Thục: Lũng Tây (Thiểm Tây) và Ba Thục (Tứ Xuyên), ý nói những nơi hiểm trở.

- Cho thấy không khí thân thuộc, thương mến giữa người trên kẻ dưới.

- Tạo nên được sự cảm xúc, bồi ngùi ở người nghe, người đọc.

b. Cho thấy được tình thâm thiết giữa người đứng tế và người được tế.

Nhập đề bài văn tế bằng một câu rất có thủy chung, Nguyễn Văn Thành bộc lộ lòng thương tưởng của mình đối với ba quân tướng sĩ đã khuất bằng cách nhắc đến công lao họ, tiếc thương, lo lắng giúp đỡ họ và gia đình ...

Ông nhắc đến những biện pháp thực tế như cải táng hài cốt, khói hương thờ phụng, trợ cấp cha mẹ vợ con ...

Biết đến công lao của kẻ dưới, lo lắng đến những gì còn lại của người chiến sĩ sau khi chết, Nguyễn Văn Thành đã bộc lộ cho ta thấy được tình cảm chân thành, thâm thiết của ông đối với kẻ dưới. Khía cạnh này nâng cao giá trị của ông hơn đồng thời tạo được sự xúc động lớn lao đối với những ai được nghe, được đọc bài văn tế.

c. Bài văn có khả năng gây cảm xúc mạnh:

Nêu những bài “*Văn tế thập loại chúng sinh*” “*Chiêu hồn*” chỉ gây xúc cảm ở văn từ, thì bài “*Văn tế trận vong tướng sĩ*” ngoài những tình tiết làm chúng ta rơi lệ, văn từ cũng đã đóng một vai

trò quyết định. Nhiều câu tác giả sử dụng được những âm thanh có khả năng gây buồn thảm, tiếc thương gọi một không khí âm u, ảm đạm:

- *“Hồn trắng sĩ biết đâu miền minh mạc, mịt mù gió lốc thổi dẫu tha hương;*

Mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa trời soi chùng cổ độ”

- *Tiếc cho khi lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ¹.*

Chỉ với một bài văn tế, Nguyễn Văn Thành đã xứng đáng mang danh một tác giả có tài nhờ ông đã nhắc đến những niềm tin vốn ăn sâu vào tâm não người Việt, đã thành thật nhắc đến các chi tiết hợp lý đánh dấu được sự thua thiệt của những chiến sĩ trận vong, minh chứng được lòng thương cảm vô bờ với người đã khuất cũng như điều hợp được những âm thanh ký bí gây xúc cảm vô biên đối với người đọc, người nghe.

Học giả Dương Quảng Hàm đã nhận xét thật súc tích khi viết: *“Trong bài, lấy cái cảm tình một*

¹ Ở đây chúng tôi không có bản Nôm nên khó giải thích chữ. Miền minh mạc, chữ này có hai nghĩa: bãi cát lớn minh mông, nơi tối tăm, chốn âm phủ. Cổ độ: bến thuyền cũ. Làng mây: làng trong đám mây: cõi trời. Ôn vũ lộ: ơn vua, như nước mưa như hơi sương làm tốt cỏ cây. còn gọi là ơn mưa móc.

ông võ tướng mà dãi bày công trạng anh hùng của kẻ đã qua, thổ lộ tấm lòng thương tiếc của người còn lại, lời văn thống thiết, giọng văn hùng hồn, thật là một bài văn tế rất hay¹”.

Văn tế trận vong tướng sĩ Nguyễn Văn Thành

Than ôi!

1. Trời Đông Phố vận ra Sóc Cảnh, trải bao phen gian hiểm mới có ngày nay;

Nước Lô Hà chảy xuống Lương Giang, nghĩ những kẻ điêu linh kẻ tử thối nọ.

2. Cho hay, sinh là ký, mà tử là quy.

Mới biết, mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Xót thay!

3. Tình dưới viên mao;

Phận trong giới trụ.

4. Ba nghìn hộc con em đất Bái, cung tên ngang dọc chí nam nhi;

¹ Việt Nam Văn Học Sử Yếu - in lần thứ 10, Trung Tâm Học Liệu - Saigon trang 321.

Hai trăm vây bờ cõi non Kỳ, com áo nặng
dây on cựa chủ.

5. Dẫn thân cho nước, sơn sắt một lòng;

Nói nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

6. Kẻ theo thời cơ đích chạy sang miền khách
địa, hăm hờ mài nanh giữa vuốt, chỉ non Tây thề
chẳng đội trời chung;

Kẻ thời đón viết mao trở lại chôn sa trường,
dập dìu thẳng cánh dương vây, trông cõi Bắc quyết
thu về đất cũ.

7. Nằm gai nệm mật, chung nổi ân ưu;

Mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.

8. Trước từng trải Xiêm La, Cao Miên về Gia
Định; mới dần ra Khánh, Thuận đã mấy buổi sơn
phong hải lễ, trời Cao, Quang soi khắp tám kiên
trinh;

Rời lại từ Đồ Bàn, Nam, Ngãi, lầy Phú Xuân
mà thẳng tới Thăng Long, biết bao phen vũ pháo
vân thê, đất Lũng, Thục lặn vào nơi hiểm cố.

9. Phận truy tùy, gẫm lại cũng cơ duyên;

Trường tranh đấu biết đâu là mệnh số?

10. Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cò
trong trận, xót lẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông
hồng theo đạn lạc tên bay;

Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa
dòng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong
da ngựa mặc bè trôi sóng vỗ.

11. Hồn tráng sĩ biết đâu miền minh mạc, mịt
mù gió lốc thổi dẫu tha phương;

Mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lòe
lửa trời, soi chùng cổ độ.

Ôi!

13. Cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu;

Nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.

14. Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo
kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải trả đến
hình hài;

Nhưng mà khen dạ đá gan vàng, bóng bạch
câu xem nửa phút như không, ơn dày đội cũng cam
trong phé phủ.

15. Phận dàu không gác khói đài mây;

Danh đã dậy ngàn cây nội cỏ.

16. Thiết vì thua theo cờ trước gió, thân
chẳng quản màn sương đặm giá, những chờ xem
cao thấp bước câu thường;

Tiếc cho khi lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về
cõi suối làn mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.

17. Vâng thượng đức mới hồi loan thán
trước, đoàn ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ,
Thanh cũng vậy, đội ân quang gieo khắp xuống đèo
Ngang;

Dem những người từng thượng trận ngày
xưa, rắp tâm công tự Ngộ, Vị, Thân, Dậu tới nay,
treo tính tự để nằm trong lá số.

18. Ngọn còi rút nguyệt, nơi tẻ, nơi vui;

Nhịp trống dồn hoa, chốn tươi, chốn ủ.

19. Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản,
trăm trận một trường oanh liệt, cái sinh không, cái
tử cũng là không.

Nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình, nghìn
năm một hội tao phùng, phận thủy có phận chung
sao chẳng có.

Bản chức nay:

20. Vâng việc biên phòng;

Chạnh niềm viễn thú.

21. Dưới trướng nức mùi chung đỉnh, sẽ nhớ
khi chén rượu rót đầu ghềnh;

Trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi
tầm cừ vung trước gió.

22. Bâng khuâng kẻ khuất với người còn;

Tượng tượng thầy đầu thời tứ đó.

23. Nền phủ định tới đây còn xúc nổi, vụ lòng một lễ chén rượu thoi vàng;

Chữ tương đồng ngấm lại vốn đỉnh ninh, khắp mặt ba quân, cờ đào nón đỏ.

24. Có cảm thông thì tới đó khuyên mời;

Dù linh thánh hãy nghe lời dặn dỗ.

25. Buổi chinh chiến hoặc là oan hay chẳng, cũng chớ nề kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới khao thưởng rồi sẽ tấu biểu chương cho;

Hội thặng bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ góa, con cô, an tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

26. Hồn phách đâu đều ngày tháng Thuần, Nghiêu;

Hài cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

27. Cơ huyền diệu hoặc thặng trăm chưa rõ, thiêng thời về cố quận, để hương thơm lửa sáng, kiếp tái sinh lại nhận cửa tiền quân.

Niềm tôn thân dù tử chớ nề, linh thời hộ Hoàng Triều cho bể lặng sông trong, duy vạn kỷ chữa đời ngôi bảo tộ.

Hỡi ơi! Thượng hưởng!